

Cứu trợ xã hội bằng thường xuyên và cứu trợ xã hội đột xuất

	Cứu trợ xã hội thường xuyên	Cứu trợ xã hội đột xuất
Định nghĩa	Là sự giúp của nhà nước và xã hội dành cho các thành viên trong cộng đồng về điều kiện sinh sống trong thời gian dài hoặc trong suốt cuộc đời của họ.	Là sự giúp của nhà nước và xã hội về điều kiện sinh sống cho các thành viên trong cộng đồng khi gặp các rủi ro hoặc khó khăn bất ngờ khiến cuộc sống của họ tạm thời bị đe dọa, nhằm giúp họ nhanh chóng vượt qua sự hụt hẫng, ổn định cuộc sống và sớm hòa nhập với cộng đồng
Đối tượng	Người rơi vào hoàn cảnh không thể tự lo liệu được cho cuộc sống của bản thân như người già không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, lang thang không người nuôi dưỡng, người tàn tật nặng, người bị tâm thần mãn tính.	Cá nhân, những hộ gia đình gặp khó khăn bất ngờ do hậu quả thiên tai hay do các lý do bất khả kháng khác
Đặc điểm	CTXH thường xuyên là sự giúp đỡ lâu dài cho nhiều đối tượng khác nhau, trong khi khả năng hỗ trợ của nhà nước và xã hội thường eo hẹp. Do vậy không chỉ dựa vào hoàn cảnh mà còn phải vào đặc điểm của từng đối tượng. Nhìn chung là đối tượng thuộc chính sách ưu đãi, hay có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	<ul style="list-style-type: none"> - Có tính tức thời, khẩn cấp hơn CTXH thường xuyên - Do đối tượng được cứu trợ rộng và hoàn cảnh rủi ro khác nhau nên cần cân nhắc thứ tự ưu tiên - Mỗi đối tượng cần có giải pháp khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể mà cách trợ giúp cụ thể cũng khác nhau.
Hình thức	Tiền hoặc hiện vật, phù hợp vào hoàn cảnh sống, môi trường sống, mức sống và nhu cầu người được cứu trợ	Tiền hoặc hiện vật, tùy thuộc vào tình hình cụ thể của đối tượng được hưởng cứu trợ, liên quan đến hoàn cảnh, tình trạng rủi ro và nhu cầu trợ giúp
	VD: Nếu là người dân ở vùng sâu vùng xa thì phải cứu trợ họ bằng hiện vật chứ ít khi cứu trợ bằng tiền.	VD: Nếu một khu bị cô lập trong nước lũ thì phải cứu trợ họ bằng hiện vật như thực phẩm, quần áo, thuốc men chứ không thể cứu trợ bằng tiền mặt.

Thực trạng ở Việt Nam

❖ Đối tượng, mức trợ cấp, nguồn kinh phí, cơ quan thực hiện:

(CHÍNH PHỦ SỐ: 07/2000/NĐ-CP)

• CHẾ ĐỘ CỨU TRỢ XÃ HỘI THƯỜNG XUYỀN

Điều 6. Người thuộc diện cứu trợ xã hội thường xuyên tại xã, phường quản lý gồm:

1. Trẻ em mồ côi là trẻ em dưới 16 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị bỏ rơi, bị mất nguồn nuôi dưỡng và không còn người thân thích để nương tựa; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 88 của Bộ Luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật;
2. Người già cô đơn không nơi nương tựa là người từ đủ 60 tuổi trở lên sống độc thân. Người già còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, không có nguồn thu nhập. Trường hợp là phụ nữ cô đơn không nơi nương tựa, không có nguồn thu nhập, từ đủ 55 tuổi trở lên, hiện đang được hưởng trợ cấp cứu trợ xã hội vẫn tiếp tục được hưởng.
3. Người tàn tật nặng không có nguồn thu nhập và không có nơi nương tựa; người tàn tật nặng tuy có người thân thích nhưng họ già yếu hoặc gia đình nghèo không đủ khả năng kinh tế để chăm sóc;
4. Người tâm thần mãn tính là người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm và có kết luận bệnh mãn tính, sống độc thân không nơi nương tựa hoặc gia đình thuộc diện đói nghèo.

Điều 7. Người thuộc diện cứu trợ xã hội quy định tại Điều 6 của Nghị định này thuộc diện đặc biệt khó khăn không tự lo được cuộc sống thì được xem xét tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội.

Điều 8. Những người có hoàn cảnh như người thuộc diện cứu trợ xã hội nhưng còn nơi nương tựa, có nguồn nuôi dưỡng mà gia đình làm đơn tự nguyện đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội, được cấp có thẩm quyền đồng ý thì gia đình phải chịu mọi chi phí theo quy định. Ngân sách Nhà nước không hỗ trợ kinh phí cho đối tượng nói tại Điều này.

Điều 9.

1. Trẻ em từ 13 tuổi trở lên thuộc các cơ sở bảo trợ xã hội không còn học văn hóa thì được giới thiệu đến các trung tâm dạy nghề để học nghề theo quy định hiện hành của Nhà nước.
2. Trẻ em đã trưởng thành, người tàn tật đã phục hồi chức năng, người bệnh tâm thần đã ổn định, đang ở cơ sở bảo trợ xã hội thì được đưa trở về địa phương. Ủy ban nhân dân xã, phường, gia đình có trách nhiệm tiếp nhận và tạo điều kiện cho họ có việc làm và hòa nhập với cộng đồng.

Điều 10.

1. Mức trợ cấp cứu trợ xã hội thường xuyên tối thiểu do xã, phường quản lý bằng 45.000 đồng/người/tháng.
2. Mức trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng tối thiểu tại cơ sở bảo trợ xã hội của nhà nước bằng 100.000 đồng/người/tháng; riêng đối với trẻ em dưới 18 tháng tuổi phải ăn thêm sữa, mức trợ cấp bằng 150.000 đồng/người/tháng.

Điều 11. Ngoài trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định này, các đối tượng ở cơ sở bảo trợ xã hội thuộc nhà nước quản lý được hưởng thêm các khoản trợ cấp sau :

1. Trợ cấp để mua sắm tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt đời sống thường ngày;
2. Trợ cấp mua thuốc chữa bệnh thông thường;
3. Trợ cấp mua sách giáo khoa và đồ dùng học tập đối với trẻ em đi học phổ thông, bổ túc văn hóa;
4. Trợ cấp hàng tháng vệ sinh cá nhân đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ;
5. Trợ cấp mai táng phí.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức trợ cấp phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

Điều 12. Cơ sở bảo trợ xã hội được tiếp nhận, sử dụng và quản lý các nguồn kinh phí và hiện vật (nếu có) do các tổ chức, cá nhân đóng góp và giúp đỡ từ thiện; bảo đảm sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh quyết toán theo chế độ tài chính hiện hành.

Điều 13. Nguồn kinh phí nuôi dưỡng, kinh phí hoạt động bộ máy và kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản của các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc cấp nào quản lý do ngân sách cấp đó bảo đảm theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước.

• CHẾ ĐỘ CỨU TRỢ XÃ HỘI ĐỘT XUẤT

Điều 14. Đối tượng được cứu trợ xã hội đột xuất (một lần) là những người hoặc hộ gia đình khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc những lý do bất khả kháng khác gây ra, bao gồm:

1. Hộ gia đình có người bị chết, mất tích;

- 2.Hộ gia đình có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng;
- 3.Hộ gia đình mất phương tiện sản xuất, lâm vào cảnh bị thiếu đói;
- 4.Người bị thương nặng;
- 5.Người thiếu đói do giáp hạt;
- 6.Người gặp phải rủi ro ngoài vùng cư trú mà bị thương nặng hoặc chết, gia đình không biết để chăm sóc hoặc mai táng;
- 7.Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú.

Điều 15.Mức trợ cấp cứu trợ xã hội đột xuất đối với từng nhóm đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 14 của Nghị định này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tùy mức độ thiệt hại và khả năng huy động nguồn lực.

Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú được trợ cấp 5.000 đồng/người/ngày, nhưng không quá 15 ngày.

Điều 16.Nguồn kinh phí để thực hiện cứu trợ đột xuất bao gồm:

- 1.Ngân sách Nhà nước cân đối hàng năm; Ngân sách tỉnh, huyện, xã tự cân đối;
- 2.Do các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ;
- 3.Trợ giúp của nước ngoài, tổ chức quốc tế hỗ trợ trực tiếp cho địa phương hoặc thông qua Chính phủ, các đoàn thể xã hội.

Trường hợp các nguồn kinh phí trên không đủ để thực hiện cứu trợ đột xuất thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

• TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17.Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Chính phủ quản lý Nhà nước về công tác cứu trợ xã hội; chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 18.

- 1.Bộ Tài chính có trách nhiệm đảm bảo kinh phí cứu trợ xã hội theo quy định hiện hành và phù hợp với Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Bộ Y tế có trách nhiệm hướng dẫn việc phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh cho người thuộc diện cứu trợ xã hội và giám định tình trạng bệnh tật của người tâm thần, người tàn tật.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn việc tổ chức học văn hóa; miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp khác cho học sinh là người thuộc diện cứu trợ xã hội theo chế độ hiện hành.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xác định mức độ hậu quả thiên tai, mất mùa và đói giáp hạt để có biện pháp và hướng dẫn tổ chức thực hiện việc cứu trợ xã hội đột xuất.

Điều 19. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1. Quản lý người thuộc diện cứu trợ xã hội và cơ sở bảo trợ xã hội thuộc địa phương;

2. Tổ chức thực hiện chế độ cứu trợ xã hội đối với từng nhóm người thuộc diện cứu trợ xã hội được quy định tại Nghị định này;

3. Chỉ đạo việc xây dựng, quản lý các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc địa phương;

4. Chỉ đạo cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, các ngành chức năng hướng dẫn các tổ chức và cá nhân hỗ trợ người thuộc diện cứu trợ xã hội;

5. Hàng năm lập dự toán kinh phí cứu trợ xã hội thường xuyên, cứu trợ xã hội đột xuất theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; hướng dẫn ủy ban nhân dân cấp dưới, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành chức năng xây dựng và tổng hợp kế hoạch kinh phí cứu trợ xã hội thường xuyên, cứu trợ xã hội đột xuất.

❖ Những tích cực và tồn tại trong công tác CTXH

TGXH thường xuyên:

Điều kiện để được hưởng chính sách TGXH thường xuyên từng bước được cải tiến theo hướng mở rộng đối tượng được hưởng nên số đối tượng gia tăng nhanh, từ 416 nghìn đối tượng vào năm 2005 đã tăng lên trên 1,25 triệu đối tượng vào năm 2009.

Đặc biệt, nghị định 13/2010/NĐ-CP ngày 27/2/2010 về sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ

xã hội đã mở rộng tới các đối tượng tàn tật nặng không có khả năng lao động không chỉ ở các hộ nghèo.

Theo ước tính số đối tượng bảo trợ xã hội năm 2010 sẽ tăng lên 1,6 triệu người. Cuộc sống của các đối tượng được cải thiện do mức chuẩn để tính trợ cấp tăng và tăng nguồn kinh phí được đảm bảo bởi ngân sách Nhà nước.

Nhiều mô hình TGXH được xây dựng phù hợp với nhu cầu của từng nhóm đối tượng. Phong trào xã hội hóa chăm sóc đối tượng được mở rộng đã bổ sung một phần cho nguồn lực còn hạn chế từ ngân sách. Số cơ sở bảo trợ xã hội tăng nhanh. Tính đến tháng 12/2008, cả nước có khoảng 571 cơ sở bảo trợ xã hội. Các cơ sở bảo trợ xã hội trên nuôi dưỡng khoảng 14.613 đối tượng. Hơn 1/3 trong số đó là các cơ sở ngoài Nhà nước.

Tồn tại:

Đối tượng hưởng TGXH thường xuyên còn thấp, chỉ chiếm khoảng 1,23% dân số (tỷ lệ này của nhiều nước trong khu vực, khoảng 2,5-3%).

Những qui định về tiêu chí và điều kiện được hưởng còn quá chặt.

Mức chuẩn để tính mức trợ cấp còn thấp, chỉ bằng 32,5% so với chuẩn nghèo và chưa bảo đảm nhu cầu trợ cấp của đối tượng.

Công tác xác định đối tượng cũng như chi trả cũng còn nhiều bất cập. Chưa tách bạch rõ nhiệm vụ xác định đối tượng và chi trả. Trợ cấp còn chưa kịp thời đối với một số đối tượng ở vùng sâu, vùng xa, miền núi. Nhiều đối tượng vẫn chưa được biết thông tin về chính sách.

Nhiều cơ sở chăm sóc đối tượng được hình thành nhưng khu vực tư nhân, đối tác xã hội chưa tham gia nhiều vào triển khai hoạt động chăm sóc đối tượng. Các mô hình chăm sóc đối tượng dựa vào cộng đồng chưa phát triển.

b. TGXH đột xuất:

Những rủi ro bất thường xảy ra ngày càng nhiều và trên diện rộng. Công tác cứu trợ đột xuất đã được triển khai tương đối kịp thời do có sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ nước ta. Đã huy động được phong trào tương thân, tương ái của mọi tầng lớp nhân dân, của các tổ chức quần chúng, các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, nhờ đó đã đóng góp được một phần đáng kể cho những thiếu hụt từ ngân sách Nhà nước.

Tồn tại:

Đóng góp tự phát nên cứu trợ không phù hợp với điều kiện, cứ lũ là nghĩ đến mì tôm, trong khi cần rất nhiều nhu yếu phẩm khác.

Phạm vi hỗ trợ còn hẹp, mới tập trung chủ yếu cho đối tượng bị rủi ro do thiên tai, chưa bao gồm các đối tượng bị những rủi ro kinh tế và xã hội.

Mức trợ cấp còn quá thấp, mới chỉ bù đắp được khoảng 10% thiệt hại của hộ gia đình.

Công tác quản lý hoạt động trợ giúp từ cộng đồng xã hội còn nhiều bất cập, khó kiểm soát và điều phối các nguồn hỗ trợ từ cộng đồng và các đối tượng cần trợ cấp.

❖ Một số tư liệu về hai loại hình cứu trợ

Nghị định số 67/2007/NĐ-CP về mức trợ cấp xã hội hàng tháng thấp nhất đối với đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng do xã, phường, thị trấn quản lý:

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
1	Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP:		
	Từ 18 tháng tuổi trở lên;	1,0	180
	Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;	1,5	270
	Dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật nặng; bị nhiễm HIV/AIDS.	2,0	360
2	Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP:		
	Dưới 85 tuổi;	1,0	180
	Dưới 85 tuổi bị tàn tật nặng;	1,5	270

	Từ 85 tuổi trở lên;	1,5	270
	Từ 85 tuổi trở lên bị tàn tật nặng.	2,0	360
3	Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP.	1,0	180
4	Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 1 Điều 1 Nghị định này:		
	Không có khả năng lao động;	1,0	180
	Không có khả năng tự phục vụ.	2,0	360
5	Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 2 Điều 1 Nghị định này.	1,5	270
6	Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP.	1,5	270
7	Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP (mức trợ cấp tính theo số trẻ nhận nuôi dưỡng):		
	Nhận nuôi dưỡng trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên;	2,0	360
	Nhận nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tháng tuổi; trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;	2,5	450
	Nhận nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.	3,0	540
8	Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 3 Điều 1 Nghị định này:		
	Có 2 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần;	2,0	360

	Có 3 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần;	3,0	540
	Có từ 4 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần trở lên.	4,0	720
9	Đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP;		
	Đang nuôi con từ 18 tháng tuổi trở lên;	1,0	180
	Đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;	1,5	270
	Đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;	2,0	360

b) Mức trợ cấp xã hội hàng tháng thấp nhất cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong nhà xã hội tại cộng đồng do xã, phường, thị trấn quản lý:

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
1	Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 6 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP.	2,0	360

c) Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng thấp nhất cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong các cơ sở bảo trợ xã hội:

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
1	Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP:		
	Từ 18 tháng tuổi trở lên;	2,0	360

	Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.	2,5	450
2	Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4, Nghị định số 67/2007/NĐ-CP.	2,0	360
3	Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 1 Điều 1 Nghị định này.	2,0	360
4	Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 2 Điều 1 Nghị định này.	2,5	450
5	Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP.	2,5	450
6	Đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội.	2,0	360

BẢNG PHỤ LỤC

MỨC TRỢ CẤP CỨU TRỢ ĐỘT XUẤT CHO CÁ NHÂN, HỘ GIA ĐÌNH GẶP KHÓ KHĂN DO HẬU QUẢ THIÊN TAI HOẶC NHỮNG LÝ DO BẤT KHẢ KHÁNG GÂY RA QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 6 NGHỊ ĐỊNH 67/2007/NĐ-CP NGÀY 13/4/2007 CỦA CHÍNH PHỦ

Số TT	Mức trợ cấp cứu trợ đột xuất đối với các đối tượng quy định tại Điều 6 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	Đơn vị tính	Mức cứu trợ đột xuất (đồng)
1	Đối với hộ gia đình:		
	a) Có người chết, mất tích:	đồng/người	4.500.000
	b) Có người bị thương nặng:	đồng/người	1.500.000
	c) Có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng:	đồng/hộ	6.000.000
	d) Hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét:	đồng/hộ	6.000.000
	e) Hộ gia đình có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng và hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét sống ở vùng khó khăn thuộc danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ quy định, mức hỗ trợ:	đồng/hộ	7.000.000
2	Cá nhân:		
	a) Trợ giúp cứu đói (trong thời gian từ 1 đến 3 tháng):	kg gạo/người/tháng	15
	b) Người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị thương nặng, gia đình không biết để chăm sóc:	đồng/người	1.500.000
	c) Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú (nhưng không quá 30 ngày. Trường hợp đặc biệt cần phải kéo dài thì thời gian được hưởng trợ cấp tối đa không quá 90 ngày và mức trợ cấp bằng mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng tại cơ sở bảo trợ xã hội):	đồng/người/ngày	15.000
3	Đối với người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị chết, gia đình không biết để mai táng, được Ủy ban nhân dân cấp xã, bệnh viện, cơ quan, đơn vị tổ chức mai táng thì các cơ quan, đơn vị đứng ra mai táng được hỗ trợ kinh phí mai táng thấp nhất bằng:	đồng/người	3.000.000

Cứu trợ xã hội bằng tiền và hiện vật

Tổng quan

	Cứu trợ xã hội bằng tiền	Cứu trợ xã hội bằng hiện vật
Định nghĩa	Cứu trợ xã hội bằng tiền là việc thực hiện trợ giúp dưới hình thức tiền mặt cho người được cứu trợ	Cứu trợ xã hội bằng hiện vật là việc thực hiện trợ giúp dưới hình thức hiện vật cho người được cứu trợ.
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none">- Việc thực hiện vận chuyển và đưa đến nơi được cứu trợ và đến người được cứu trợ nhìn chung nhẹ nhàng và gọn gàng, không tốn kém nhiều chi phí vận chuyển- Đáp ứng linh hoạt nhu cầu của người được cứu trợ- Các khoản cứu trợ dù rất thấp cũng được đánh giá cao và được coi như nguồn thu nhập ổn định và bảo đảm- Từ góc nhìn quản lí kinh tế vĩ mô, so với việc cứu trợ xã hội bằng hiện vật thì cứu trợ xã hội bằng tiền có thể làm tăng khả năng dự báo các khoản chi tiêu công và có thể tự động ổn định nền kinh tế qua các giai đoạn chu kì kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none">- Không chỉ cấp phát hiện vật là vật phẩm, hàng hóa mà hiện vật còn bao hàm cả các dịch vụ mà Nhà nước và cộng đồng xã hội giúp đỡ cho họ. Nếu không có những sự trợ giúp bằng dịch vụ thì những người được cứu trợ có thể không mua được các dịch vụ này hoặc mua với nguồn lực của mình nhưng không thỏa đáng.- Có tác dụng tức thì trong nhiều trường hợp, ví dụ như cứu trợ xã hội đột xuất.- Được dùng như một phương tiện để kiểm soát, điều chỉnh hành vi người nhận.
Nhược điểm	<ul style="list-style-type: none">- Xác định khó, mức trợ cấp quá cao khiến người được trợ cấp dựa dẫm vào cứu trợ xã hội, không chịu vươn lên. Song, không thể đưa mức trợ cấp quá thấp, như vậy không đảm bảo mức sống tối thiểu cho người nhận.- Có nguy cơ mất đi tính thích đáng, không đáp ứng được mục tiêu của cứu trợ xã hội nếu chúng không được điều chỉnh theo ảnh hưởng của lạm phát	<ul style="list-style-type: none">- Tồn kém chi phí vận chuyển và khó khăn trong vận chuyển- Gây ảnh hưởng đến giá cả sinh hoạt nói chung và giá các hàng hóa được dùng để cứu trợ nói riêng.

Thực trạng ở Việt Nam

Thực trạng áp dụng việc thực hiện cứu trợ bằng hiện vật ở nước ta:

- Trước Cách Mạng tháng Tám, thực hiện cứu trợ xã hội bằng hiện vật là một hình thức phổ biến. Và được thể hiện thông qua các hoạt động như:

- Lập ra các quỹ ruộng quỹ thóc công dành cho các phụ nữ góa và trẻ em mồ côi, dành cho những người nghèo khổ (chẳng hạn như quả phụ điền; cô nhi điền; nghĩa điền).

- Lập ra các phường hội theo quan hệ thân tộc, quan hệ láng giềng hay quan hệ nghề nghiệp để giúp đỡ tương trợ lẫn nhau khi các thành viên trong hội không may rơi vào hoàn cảnh khó khăn (chẳng hạn như: hội vạ chài, hội gặt lúa, hội hiếu...).

- Tổ chức các hội cứu tế tương tế để bệnh vực cho công nhân, các hội tế bần từ thiện.

- Ngay từ những ngày đầu đất nước giành được độc lập, Đảng và Nhà nước đã kêu gọi phá kho thóc của Nhật chia cho người nghèo, phát động nhường cơm sẻ áo, lập hũ gạo tiết kiệm để trợ giúp người nghèo, người neo đơn, tàn tật; thành lập Nha cứu tế để đáp ứng cho nhu cầu thực hiện cứu tế xã hội.

Trải qua nhiều giai đoạn khó khăn thiếu thốn của đất nước nhưng hoạt động cứu trợ xã hội của nước ta vẫn ngày càng phát triển và đi vào ổn định. Công tác thực hiện cứu trợ xã hội bằng hiện vật có nhiều tiến bộ rõ rệt.

- Hiện nay ở Việt Nam, Nhà nước đang thành lập và khuyến khích thành lập các Hội bảo trợ người tàn tật; Hội người mù; Hội người cao tuổi; các làng trẻ mồ côi SOS; trung tâm nuôi dưỡng người già cô đơn; các doanh nghiệp dành riêng cho người tàn tật; các trường học dành cho trẻ em câm điếc;....

- Đối với các trường hợp có thiên tai gây thiệt hại nghiêm trọng trên diện rộng thì các tỉnh thành, các cơ quan tổ chức quyên góp ủng hộ bằng hiện vật như gạo, thuốc men, quần áo...; việc quyên góp này có thể diễn ra trên địa bàn từng xã, phường, thị trấn... và cũng có thể diễn ra trên phạm vi toàn quốc.

- Mức hưởng cứu trợ xã hội bằng hiện vật thì tùy thuộc vào từng đối tượng và hoàn cảnh cụ thể; và hình thức thực hiện cứu trợ xã hội đó là cứu trợ xã hội thường xuyên hay cứu trợ xã hội đột xuất.
- **Ưu điểm của thực hiện công tác cứu trợ xã hội bằng hiện vật ở nước ta hiện nay:**

- Ngày càng có nhiều hình thức và nhiều tổ chức thực hiện công tác cứu trợ xã hội bằng hiện vật. Các tổ chức được phân bổ từ Trung ương đến cấp cơ sở, giúp cho công tác cứu trợ được tiến hành nhanh và kịp thời hơn, ngoài ra còn góp phần làm giảm chi phí cho vận chuyển hàng hóa dùng cứu trợ và cho các giao dịch.

- Đối tượng được hưởng cứu trợ thì ngày càng mở rộng hơn, điều này đã làm tăng tính công bằng của xã hội, giúp những người được hưởng ổn định cuộc sống nhanh hơn. Và tác động gián tiếp đến sự phát triển kinh tế xã hội và ổn định chính trị của đất nước.

- **Hạn chế của công tác cứu trợ xã hội bằng hiện vật ở nước ta:**

- Công tác xác định đối tượng cũng như chi trả cũng còn nhiều bất cập, chưa tách bạch rõ nhiệm vụ xác định đối tượng và chi trả. Trợ cấp còn chưa kịp thời đối với một số đối tượng vùng sâu, vùng xa, miền núi. Nhiều đối tượng vẫn chưa biết thông tin về chính sách.

- Nhiều cơ sở chăm sóc đối tượng được hình thành, nhưng khu vực tư nhân, đối tác xã hội chưa tham gia nhiều vào triển khai hoạt động chăm sóc đối tượng. Các mô hình chăm sóc đối tượng dựa vào cộng đồng chưa phát triển.

- Công tác quản lý hoạt động trợ giúp từ cộng đồng xã hội còn nhiều bất cập, khó kiểm soát và điều phối các nguồn hỗ trợ từ cộng đồng và các đối tượng cần trợ cấp.

- Mặc dù các tổ chức đã được phân bổ từ Trung ương đến cơ sở nhưng chi phí vận chuyển hàng hóa dùng cứu trợ và cho các giao dịch vẫn tương đối lớn.

Thực trạng áp dụng việc thực hiện cứu trợ bằng tiền ở nước ta

- **Ưu điểm của công tác cứu trợ xã hội bằng tiền ở nước ta:**

- Ngày càng có nhiều hình thức và nhiều tổ chức thực hiện công tác cứu trợ xã hội bằng tiền. Các tổ chức được phân bổ từ Trung ương đến cấp cơ sở, giúp cho công tác cứu trợ được tiến hành nhanh và kịp thời hơn.

- Đối tượng được hưởng cứu trợ thì ngày càng mở rộng hơn, điều này đã làm tăng tính công bằng của xã hội, giúp những người được hưởng ổn định cuộc sống nhanh hơn. Và tác động gián tiếp đến sự phát triển kinh tế xã hội và ổn định chính trị của đất nước.

- **Hạn chế của công tác cứu trợ xã hội bằng tiền ở nước ta:**

- Công tác xác định đối tượng cũng như chi trả cũng còn nhiều bất cập, chưa tách bạch rõ nhiệm vụ xác định đối tượng và chi trả. Trợ cấp còn chưa kịp thời đối với một số đối

tượng vùng sâu, vùng xa, miền núi. Nhiều đối tượng vẫn chưa biết thông tin về chính sách.

- Công tác quản lý hoạt động trợ giúp từ cộng đồng xã hội còn nhiều bất cập, khó kiểm soát và điều phối các nguồn hỗ trợ từ cộng đồng và các đối tượng cần trợ cấp.